

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-PT

Ngày: 18-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Thẩm phán: Bà Phạm Uyên Thy

Ông Vũ Văn Lê

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thắng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 343/2021/TLPT-HS ngày 01/12/2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị Lệ Q, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2021/HS-ST ngày 18/10/2021 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Lệ Q** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 29/02/1992; tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: Số 274/24/13E đường NVL, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số 371/4 đường NO, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim L; không có chồng và có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/01/2021 đến ngày 03/02/2021; tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 854/47/19 đường TN, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 29/01/2021, Nguyễn Thị Lệ Q sang nhà nhờ bà Nguyễn Thị Ngọc L chở đi xin việc làm tại Công ty may Hữu Nghị. Q không được công ty nhận vào làm nên mượn xe của bà L để đi về, bà L giao Q chìa khóa xe gồm cả chìa khóa nhà và nói Q về trả xe và chìa khóa cho bà X là mẹ của bà L. Khi gặp và ngồi nói chuyện với bà X một lúc, Q cầm chìa khóa sang nhà bà L tự mở khóa vào nhà đi vệ sinh. Khi ra ngoài nhà, Q phát hiện trong tủ kính ở phòng bếp có 01 chiếc ví màu trắng nên đã mở ví ra và lấy 12.000.000 đồng đem về phòng trọ của Q cất giấu.

Đến 20 giờ cùng ngày, bà L phát hiện mất 27.000.000 đồng, gọi điện thoại hỏi Q nhưng Q không thừa nhận. Bà L trình báo Công an Phường 15, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi mời lên làm việc, Q thừa nhận lấy 12.000.000 đồng của chị L và tự nguyện giao nộp.

Quá trình làm việc, tiến hành đối chất, xác minh địa điểm trộm cắp, Q viết bản tự khai, thừa nhận lấy của chị L 27.000.000 đồng, lần đầu khoảng ngày 25/01/2021, lấy 15.000.000 đồng đã chi trả hết tiền viện phí cho mẹ và tiêu xài cá nhân; ngày 29/01/2021, lấy 12.000.000 đồng, toàn bộ số tiền đã được trả lại cho bị hại.

Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2021/HS-ST ngày 18/10/2021 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Lệ Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị Lệ Q 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án. Trừ thời hạn tạm giam từ ngày 30/01/2021 đến ngày 03/02/2021.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/10/2021 bị cáo Nguyễn Thị Lệ Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt xin được hưởng án treo do lần đầu tiên phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, lý do: Bị cáo đã có hành vi lén lút 02 lần trộm cắp tài sản là số tiền 27.000.000 đồng, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, nhưng bị cáo phạm tội nhiều lần nên không được hưởng án treo, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt 09 tháng tù là phù hợp.

- Bị cáo không tham gia tranh luận.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ

hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân quận G, Kiểm sát viên; Tòa án nhân dân quận G, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị Lệ Q đã có hành vi 02 lần trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền là 27.000.000 đồng, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo Nguyễn Thị Lệ Q về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Lệ Q cho rằng: Mục đích phạm tội là để có tiền chữa bệnh cho mẹ đẻ của bị cáo đang điều trị bệnh thận giai đoạn cuối, vì quá khó khăn, túng thiếu nên làm liều. Bị cáo là lao động chính, phải nuôi 02 con nhỏ, bị cáo rất ăn năn, hối hận, thành khẩn khai báo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nên mức án 09 tháng tù cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp, bị cáo phạm tội nhiều lần nên không được hưởng án treo theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuy nhiên Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nhưng lại áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật

Hình sự là không đúng. Hồ sơ vụ án thể hiện về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về nhận thức và áp dụng pháp luật khi giải quyết vụ án. Do đó, xét kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ Q 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án. Trừ thời hạn tạm giam từ ngày 30/01/2021 đến ngày 03/02/2021.

Bị cáo Nguyễn Thị Lệ Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- TAND quận G; (2)
- VKSND quận G; (1)
- Cơ quan CSĐT - Công an quận G;
- Chi cục THADS quận G; (1)
- P. PC53 - Công an TP.HCM; (2)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Bị cáo; (2)
- Người tham gia tố tụng; (1)
- Lưu: VP, THS, hồ sơ (21). (1)
- (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Châu